|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NGOẠI GIAO**  Số: /2025/TT-BNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

Dự thảo 01 (12/6/2025)

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu**

*Căn cứ Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;*

*Căn cứ Nghị định số …../2025/NĐ-CP ngày … tháng …. năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;*

*Căn cứ Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đối ngoại;*

*Căn cứ Nghị định số …/2025/NĐ-CP ngày … tháng 6 năm 2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức và Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30 ngày 6 tháng 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hóa;*

*Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) bao gồm:

a) Sở Ngoại vụ;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không thành lập Sở Ngoại vụ;

c) Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị sự nghiệp công lập và chi cục (nếu có) thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này.

**Điều 2. Vị trí và chức năng của Sở Ngoại vụ**

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về về công tác đối ngoại địa phương, trong đó có công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia (đối với những tỉnh có đường biên giới); thực hiện các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.

2. Sở Ngoại vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức, biên chế và hoạt động; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Ngoại giao.

**Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Ngoại vụ**

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến công tác đối ngoại của địa phương và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch dài hạn, 05 năm, hàng năm, chiến lược, chương trình, đề án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại của tỉnh;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực đối ngoại cho Sở Ngoại vụ theo quy định của pháp luật;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Ngoại vụ;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đối ngoại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác đối ngoại ở địa phương.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác đối ngoại địa phương sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.

4. Về công tác hợp tác và hội nhập quốc tế:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác hợp tác, hội nhập quốc tế của địa phương phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình hợp tác và hội nhập quốc tế của địa phương, các đề án thiết lập quan hệ hữu nghị hợp tác của địa phương với các đối tác nước ngoài, báo cáo Bộ Ngoại giao theo quy định;

c) Là đầu mối của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, các cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, và các chủ thể có yếu tố nước ngoài khác tại Việt Nam.

5. Về công tác ngoại giao kinh tế:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác ngoại giao kinh tế, xây dựng và triển khai các chiến lược, đề án, kế hoạch, chương trình hoạt động đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Là đầu mối của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam trong việc quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của địa phương; phối hợphỗ trợ triển khai các nhiệm vụ về xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức kinh tế của địa phương ở nước ngoài.

6. Về công tác ngoại giao văn hóa:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác ngoại giao văn hóa, xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược ngoại giao văn hóa trong từng thời kỳ;

b) Làm đầu mối của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam và các chủ thể có yếu tố nước ngoài khác trong việc triển khai các hoạt động ngoại giao văn hóa tại địa phương, giới thiệu, quảng bá hình ảnh, con người, văn hóa của địa phương ở nước ngoài;

c) Phối hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các chương trình, kế hoạch hoạt động của địa phương trong việc hợp tác với Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO).

7. Về công tác đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Ngoại giao và các cấp có thẩm quyền trong triển khai các hoạt động đối ngoại của Đảng và trong công tác đối ngoại nhân dân.

b) Tổ chức thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

8. Về công tác người Việt Nam ở nước ngoài:

a) Là đầu mối của Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện công tác nghiên cứu, tổng hợp tình hình, tham mưu chủ trương, chính sách và pháp luật về người Việt Nam ở nước ngoài tại địa phương;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác người Việt Nam ở nước ngoài; chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch và chương trình của tỉnh đối với người Việt Nam ở nước ngoài tại địa phương;

c) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài; vận động, hướng dẫn và hỗ trợ người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân của họ trong làm việc, đầu tư kinh doanh, sinh sống và học tập tại địa phương;

d) Chủ trì thống kê số liệu về người Việt Nam ở nước ngoài gốc địa phương; quản lý, cung cấp và cập nhật số liệu về người Việt Nam ở nước ngoài gốc địa phương cho Cơ sở dữ liệu về Người Việt Nam ở nước ngoài do Bộ Ngoại giao quản lý;

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Ngoại giao theo quy định về kết quả triển khai công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài tại địa phương.

9. Về công tác lãnh sự và công tác đối với hoạt động di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh của người thuộc diện được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Xử lý các vấn đề liên quan đến bảo hộ công dân địa phương ở nước ngoài và trong công tác lãnh sự đối với người nước ngoài tại địa phương;

c) Tham mưu thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật;

d) Là đầu mối trao đổi với cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam để giải quyết các vụ việc lãnh sự thông thường, ít phức tạp tại địa bàn theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Ngoại giao;

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan và Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về chủ trương, chính sách về hoạt động di cư ra nước ngoài của công dân tại địa phương; thu thập thông tin, số liệu về di cư quốc tế tại địa phương và định kỳ 6 tháng tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo di cư gửi Bộ Ngoại giao.

10. Về công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia (đối với những tỉnh có đường biên giới):

a) Là cơ quan thường trực của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia; giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác biên giới, lãnh thổ tại địa phương theo quy định của pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng và bộ, ngành liên quan;

b) Theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Ngoại giao tình hình thực hiện các điều ước quốc tế về biên giới, lãnh thổ quốc gia, các chương trình, đề án khác liên quan đến công tác quản lý biên giới thuộc địa bàn tỉnh phụ trách;

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc xử lý các vấn đề nảy sinh trên biên giới đất liền, hải đảo, vùng trời và các vùng biển của Việt Nam tại địa phương, báo cáo Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan;

d) Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biên giới, lãnh thổ quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra và quản lý các văn bản, tài liệu, bản đồ và hồ sơ về biên giới thuộc phạm vi quản lý của địa phương; kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn các cơ quan, đơn vị của địa phương về các vấn đề quản lý nhà nước về biên giới, lãnh thổ;

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc xây dựng duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa mốc quốc giới và vật đánh dấu đường biên giới và các biện pháp khác để bảo vệ mốc quốc giới và vật đánh dấu đường biên giới khi cần thiết;

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về biên phòng, đối ngoại biên phòng.

11. Về công tác lễ tân đối ngoại nhà nước tại địa phương:

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Ngoại giao hướng dẫn, quản lý, bảo đảm việc thực hiện nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Bộ Ngoại giao hướng dẫn, quản lý, bảo đảm việc thực hiện quyền và chế độ ưu đãi, miễn trừ và nghi lễ đối ngoại đối với các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam và các đơn vị trực thuộc các cơ quan này đóng trên địa bàn của địa phương, thành viên của những cơ quan này và thành viên gia đình của họ phù hợp với pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và theo thông lệ quốc tế.

12. Về công tác thông tin đối ngoại:

a) Là đầu mối của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam trong triển khai chương trình, kế hoạch thông tin tuyên truyền đối ngoại của địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Cung cấp thông tin của địa phương cho Bộ Ngoại giao và các cơ quan chức năng để phục vụ công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại; phối hợp với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài triển khai các hoạt động thông tin đối ngoại, quảng bá địa phương ở nước ngoài;

c) Thống nhất quản lý phóng viên nước ngoài hoạt động báo chí tại địa phương; xây dựng chương trình hoạt động, tổ chức việc tiếp và trả lời phỏng vấn của lãnh đạo cấp tỉnh, cung cấp thông tin có định hướng, theo dõi và quản lý hoạt động của phóng viên nước ngoài theo quy định của pháp luật.

13. Về công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào:

a) Là cơ quan đầu mối tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc xây dựng kế hoạch đoàn đi công tác nước ngoài do tỉnh chủ trì (đoàn ra) có trưởng đoàn là lãnh đạo tỉnh, đón các đoàn khách từ các quốc gia và vùng lãnh thổ bên ngoài vào thăm làm việc tại địa phương do tỉnh mời và thu xếp chương trình hoạt động (đoàn vào) có trưởng đoàn là lãnh đạo chính quyền địa phương nước ngoài hoặc tương đương trở lên hằng năm và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch này vào giữa năm để gửi Bộ Ngoại giao tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

b) Thực hiện quản lý nhà nước đối với các đoàn ra của lãnh đạo cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh, việc đón các đoàn vào thăm làm việc tại tỉnh.

13. Về công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào:

a) Là cơ quan đầu mối tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hằng năm và 06 tháng xây dựng và điều chỉnh về việc xây dựng kế hoạch đoàn đi công tác nước ngoài do tỉnh chủ trì (đoàn ra) có trưởng đoàn là lãnh đạo tỉnh, đón các đoàn khách từ các quốc gia và vùng lãnh thổ bên ngoài vào thăm làm việc tại địa phương do tỉnh mời và thu xếp chương trình hoạt động (đoàn vào) có trưởng đoàn là lãnh đạo chính quyền địa phương nước ngoài hoặc tương đương trở lên của lãnh đạo cấp tỉnh hằng năm và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch này vào giữa năm để trình cấp có thẩm quyền gửi Bộ Ngoại giao tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

b) Thực hiện quản lý nhà nước đối với các đoàn đi công tác nước ngoài đoàn ra của lãnh đạo cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh, việc đón các đoàn vào thăm làm việc tại tỉnh các đoàn quốc tế đến thăm làm việc tại địa phương thuộc tỉnh (đoàn vào).

c) Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài của lãnh đạo cấp tỉnh; làm đầu mối liên hệ với các cơ quan, đơn vị của Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để hỗ trợ, hướng dẫn, quản lý các đoàn ra theo quy định; thẩm định các đề án đoàn ra; theo dõi, thống kê tổng hợp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, đề án đón tiếp các đoàn nước ngoài đến thăm và làm việc với lãnh đạo cấp tỉnh; thẩm định đề xuất, kiến nghị của các sở, ban, ngành địa phương về việc lãnh đạo cấp tỉnh tiếp khách nước ngoài; thống kê tổng hợp các đoàn vào thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

14. Về công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế:

a) Tham mưu về việc thực hiện quản lý nhà nước về hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, được phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hoặc hội nghị, hội thảo quốc tế của cơ quan, đơn vị, tổ chức do Ủy ban nhân dân quản lý thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc quản lý của tỉnh);

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp cho ý kiến và quản lý đối với hội nghị, hội thảo quốc tế được tổ chức trên địa bàn tỉnh do người có thẩm quyền khác cho phép;

c) Là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, thẩm định nội dung các hội nghị, hội thảo quốc tế của các tổ chức do cơ quan của tỉnh cấp phép hoạt động; quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thực hiện các quy định về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo định kỳ hằng năm cho Bộ Ngoại giao về tình hình tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại địa phương.

15. Về công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan cấp Sở, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới theo pháp luật về thỏa thuận quốc tế.

b) Là đầu mối xây dựng đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các quy trình liên quan, quyết định và tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo pháp luật về thỏa thuận quốc tế.

c) Góp ý các cơ quan cấp Sở, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới về chủ trương ký kết và nội dung dự thảo thỏa thuận quốc tế; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến các thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp huyện được ký kết trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và các thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới bị tác động bởi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp.

đ) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các thỏa thuận quốc tế đã ký kết; báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về những vấn đề phát sinh trong ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế tại địa phương; tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Ngoại giao theo quy định liên quan.

16. Về công tác phi chính phủ nước ngoài:

a) Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương; cho ý kiến về việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy đăng ký và các hoạt động khác của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài về thủ tục và trong việc khảo sát, xây dựng và triển khai các dự án tài trợ theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương; báo cáo Bộ Ngoại giao và Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định;

b) Phối hợp quản lý các hoạt động quan hệ hợp tác và vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương; xây dựng chương trình, kế hoạch và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương trong vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài;

c) Phối hợp thẩm định các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, bảo đảm yêu cầu về chính trị đối ngoại;

d) Là đầu mối tham mưu tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại địa phương trong trường hợp được Bộ Ngoại giao phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu;

đ) Là cơ quan thường trực Ban công tác phi chính phủ nước ngoài của địa phương (đối với địa phương có Ban công tác phi chính phủ nước ngoài).

17. Về công tác bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ đối ngoại:

a) Đề xuất, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đối ngoại cho cán bộ, công chức địa phương;

b) Làm đầu mối phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan triển khai các chương trình bồi dưỡng về đối ngoại và hội nhập quốc tế cho cán bộ, công chức địa phương.

18. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ đối ngoại theo quy định.

19. Thực hiện cải cách hành chính theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức ứng dụng khoa học, công nghệ, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động đối ngoại; phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung trong lĩnh vực đối ngoại.

20. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về đối ngoại đối với Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

21. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

22. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc Sở; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

23. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

24. Quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quy định pháp luật.

25. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công.

**Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về đối ngoại của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thành lập Sở Ngoại vụ**

1. Trường hợp không tổ chức riêng Sở Ngoại vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác đối ngoại.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về đối ngoại như quy định tại Điều 3 Thông tư này.

**Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về đối ngoại của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước trong về công tác đối ngoại địa phương, bao gồm, công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia (đối với đơn vị hành chính cấp xã có đường biên giới trên đất liền, trên biển và hải đảo).

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Tham mưu việc phối hợp thực hiện các chủ trương, chính sách về hợp tác quốc tế, triển khai các hoạt động đối ngoại theo phân cấp, phân quyền (nếu có), chỉ đạo của Bộ Ngoại giao hoặc Bộ, ngành, cơ quan khác, theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hướng dẫn của Sở Ngoại vụ hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại theo quy định pháp luật;

c) Đối với các đơn vị hành chính cấp xã có đường biên giới trên bộ, trên biển, hải đảo: tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề xuất, ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới và thực hiện các nhiệm vụ được giao về công tác biên giới, lãnh thổ;

d) Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác về đối ngoại do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày …. Tháng …. năm 2025.

2. Thông tư này thay thế Thông tư 03/2021/TT-BNG ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ ngoại giao hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện và Thông tư …./2025/TT-BNG ngày …. tháng …. 6 … năm 2025 bổ sung, sửa đổi khoản 2, Điều 4 của Thông gư 03/2021/TT-BNG ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ ngoại giao hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với các quy định khung của Chính phủ và Thông tư này về yêu cầu quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đối ngoại; quản lý về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong Sở Ngoại vụ hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong cơ quan chuyên môn về đối ngoại, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có) trực thuộc Sở Ngoại vụ;

b) Hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác đối ngoại về đối ngoại của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã phù hợp Thông tư này và với các quy định pháp luật;

c) Căn cứ vào đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Ngoại vụ theo quy định pháp luật;

d) Quyết định phân cấp hoặc ủy quyền cho Sở Ngoại vụ và Giám đốc Sở Ngoại vụ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật. Phân cấp, ủy quyền cho Sở Ngoại vụ hoặc Giám đốc Sở Ngoại vụ thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

đ) Hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn về đối ngoại thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã;

e) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhu cầu tổ chức Sở Ngoại vụ nhưng chưa đáp ứng các tiêu chí tại khoản …. Điều …. Nghị định …/2025/NĐ-CP ngày …. tháng …. năm 2025 của Chính phủ của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể xây dựng lộ trình, kế hoạch nhằm đáp ứng các tiêu chí thành lập Sở Ngoại vụ.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện xã có trách nhiệm quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn cấp huyện Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với hướng dẫn của Bộ Ngoại giao và các quy định pháp luật liên quan.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh kịp thời về Bộ Ngoại giao để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng Chính phủ;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Tòa án nhân dân tối cao; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - Kiểm toán Nhà nước; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Các Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;  - Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật;  - Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);  - Các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao; Cổng Thông tin điện tử Bộ Ngoại giao; - Lưu: VT, NVVH (….). | **BỘ TRƯỞNG**    **[daky]** |